TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 01 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Mai Thanh D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của chị Lê Thị M thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị M và anh Mai Thanh D kết hôn vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng qua điểm, thường xuyên cãi nhau, được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được dẫn đến đã sống ly thân hơn 10 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, chị M xác định không thể tiếp tục quay lại chung sống nên xin ly hôn với anh D.

Về con chung, gồm: Mai Lê P, sinh ngày 03/9/2006 và Mai Lê N, sinh ngày 12/3/2013, do anh D đang nuôi dưỡng cùng với cha, mẹ. Khi ly hôn, các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, gồm: 04 chiếc xe máy, chị và anh D đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Theo đơn yêu cầu ngày 15/5/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của anh Mai Thanh D, thể hiện:*

Về hôn nhân: Về ngày tháng năm tổ chức đám cưới, việc không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị M trình bày là đúng. Anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 02 người con như chị M trình bày; khi ly hôn, các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, gồm: Ngoài việc đã thỏa thuận phân chia xong 04 chiếc xe máy là tài sản chung thì anh và chị M còn có tài sản chung, đó là: Trước đây ông Lê Hữu K, bà Trần Kim H (cha, mẹ chị M) cho anh và chị M diện tích 11.500m^2, tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau chung với anh Lê Trung K và chị Lê Thị T, phần đất do ông K, bà H đứng tên trên giấy chứng nhận. Do anh K và chị T không sử dụng nên đã sang nhượng lại cho anh và chị M với giá 220.000.000 đồng, nhưng chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất. Anh và chị M sử dụng được 02 năm thì đi làm ăn xa nên cho anh Lê Hữu K thuê với giá 20.000.000 đồng/03 năm, anh yêu cầu phân chia phần đất này mỗi người hưởng ½; tại phiên hòa giải ngày 13/01/2022, anh D rút lại không yêu cầu phân chia để thỏa thuận với chị M và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Hữu K, bà Trần Kim H, anh Lê Trung K, chị Lê Thị T và anh Lê Hữu K: Quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Thanh D yêu cầu phân chia phần đất có liên quan đến ông K, bà H, anh K, chị T và anh K nên Tòa án đã đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, do anh D rút lại không yêu cầu phân chia phần đất, việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông K, bà H, anh K, chị T và anh K nên các đương sự này không còn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Chị Lê Thị M và anh Mai Thanh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[3] Chị M và anh D tự nguyện chung sống vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, đã được hòa giải, hàn gắn nhưng không khắc phục được nên đã sống ly thân. Từ nguyên nhân trên, các đương sự đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ

khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung, gồm: Mai Lê P, sinh ngày 03/9/2006 và Mai Lê N, sinh ngày 12/3/2013, do anh D đang nuôi dưỡng cùng với cha, mẹ. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Tại Biên bản ghi nguyện vọng của Lê P và Lê N vào ngày 13/01/2022 thể hiện các cháu có nguyện vọng chung sống với chị M.

Xét thoả thuận việc nuôi con của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của Lê P và Lê N nên giao cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, anh D xác định: Trước đây anh và chị M được ông Lê Hữu K, bà Trần Kim H cho diện tích 11.500m^2, tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau chung với anh Lê Trung K và chị Lê Thị T; do anh K và chị T không sử dụng nên đã sang nhượng lại cho anh và chị M với giá 220.000.000 đồng. Sau đó, anh và chị M cho anh Lê Hữu K thuê với giá 20.000.000 đồng/03 năm. Tại phiên hòa giải ngày 13/01/2022, anh D rút lại không yêu cầu phân chia đối với phần đất này. Xét thấy, việc anh D rút không yêu cầu phân chia phần đất là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của anh D là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Chị M và anh D xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về chi phí tố tụng: Hoàn trả lại cho anh D số tiền đã nộp tạm ứng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) (anh D đã nhận lại xong).

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; hoàn trả cho anh D số tiền đã nộp tạm ứng đối với yêu cầu phân chia tài sản là 4.313.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Mai Thanh D.

2. Về con chung: Anh D có nghĩa vụ giao Mai Lê P, sinh ngày 03/9/2006 và Mai Lê N, sinh ngày 12/3/2013 cho chị M nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của anh D về việc phân chia diện tích 11.500m^2, tại ấp Lung Trường, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012024 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị M đã nộp xong).

- Hoàn trả cho anh D số tiền 4.313.000 đồng (bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012115 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.